

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ; Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công Quốc gia; Nghị định số 367/NĐCP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 103/TTr-SKHCHN ngày 13 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ; lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Công bố 08 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Công bố 25 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung. Trong đó: 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ tại số thứ tự 13, 14, 31, 32, Mục I, Phụ lục I; 21 thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ tại số thứ tự từ 01 đến 21, Mục II, phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Công bố 15 danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ. Trong đó:

- 06 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ tại số thứ tự 15, 16, 17, 18, 19, 20, Mục I, Phụ lục I; 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ tại số thứ tự 22, Mục II, phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ;

- 08 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ từ số thứ tự 09 đến 16, mục I, Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, Hương (02b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ. Mã TTHC: 1.014988	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.
02	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng

	công nghệ Mã TTHC: 1.013933		tỉnh, xã.	.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.		dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.
03	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ. Mã TTHC: 1.013936	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo

				Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.		tình hình thực hiện.
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. Mã TTHC: 1.014991	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.
05	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. Mã TTHC: 1.013940	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-

				- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.		BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.
06	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. Mã TTHC: 1.013943	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện

07	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù Mã TTHC: 1.014987	<i>Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế</i> - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - 15 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng;	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật số 115/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ.
----	--	--	---	---	-------	--

		- 05 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả. Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - 15 ngày làm việc để thành				
--	--	--	--	--	--	--

		lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 10 ngày làm việc để cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế, căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ; - 15 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân giải trình, làm rõ hoặc bố trí kiểm tra thực tế; - 10 ngày làm				
--	--	--	--	--	--	--

		việc đề Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ hợp sau khi nhận được hồ sơ giải trình, làm rõ của tổ chức, cá nhân. - 05 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả				
08	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo Mã TTHC: 1.014986	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ (trường hợp sửa đổi, bổ sung); - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 12/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ và báo cáo liên quan đến thủ tục về phát triển nguồn cung, nguồn cầu

		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới; - 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới, cơ quan chuyên		cấp tỉnh, xã.		của thị trường khoa học và công nghệ.
--	--	---	--	---------------	--	---------------------------------------

		môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.				
--	--	---	--	--	--	--

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC KHOA CÔNG NGHỆ					
01	Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ Mã TTHC: 1.013918	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-

						<i>BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.</i>
02	Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ. Mã TTHC: 1.013927	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm

						2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.
03	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) Mã TTHC: 2.002248	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa

					10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	<i>học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.</i>
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ). Mã TTHC: 2.002249	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định

					05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	<i>biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.</i>
II LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ						
1	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013955	<i>13 ngày làm việc</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung

						theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
2	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013956	08 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16

						tháng 10 năm 2023.
3	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013958	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi,

4	công nghiệp Mã TTHC: 1.013959		chính công cấp tỉnh, xã.	quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</i> - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i>
5	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế Mã TTHC: 1.013973	<i>30 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</i> - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i>

				- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.		
6	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc Mã TTHC: 1.013974	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.011937	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh	250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.

				quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.		- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.011938	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại	250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15</i>. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>. - Thông tư số 263/2016/TT-

				Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.		BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.
9	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.011939	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.
10	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công	- Phí thẩm định hồ sơ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi,

	diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013916		chính công cấp tỉnh, xã	quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ	bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</i> - <i>Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i> - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023. - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</i>
--	---	--	--------------------------------	--	--	--

					(Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 200.000 đồng/đơn).	
11	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013919	<i>16 ngày làm việc</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</i> - <i>Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i> - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số

					150.000 đồng/đơn). - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn). - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn:	31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023
--	--	--	--	--	--	---

					200.000 đồng/đơn)	
12	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013922	- 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề); - 60 ngày (Trong trường	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</i> - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i>

		hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp).				
13	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013924	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04

					thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).	tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
14	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013925	<i>14 ngày làm việc</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.

						- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.
15	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013928	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ; - Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư

					01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).	số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
16	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công	- Lệ phí công bố Quyết định	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số

	công nghiệp Mã TTHC: 1.013942		chính công cấp tỉnh, xã	quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000	36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
--	---	--	------------------------------------	---	--	--

					đồng/đơn); - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ.	
17	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013954	16 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ; - Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</i> - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.</i> - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung

					trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn); - Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng/đơn).	theo Thông tư số 31/2020/TTBTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
18	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ Mã TTHC: 1.013966	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	- Phí đăng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.

				- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>. - Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).
19	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013968	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại	- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bằng; - Lệ phí cấp GCN ĐKHHĐ: 60.000 đ (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí nộp đơn: 120.000	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15</i>. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ</i>. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm

				Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	đồng/đơn); Trường hợp thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID thì được miễn lệ phí cấp GCN ĐKHD từ ngày 01/4/2026 đến 31/12/2026. - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản; - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	2016 của Bộ Tài chính.- Thông tư số 64/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - <i>Thông tư số 29/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ cho việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID</i>
20	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh	- Phí thẩm định hồ sơ: 160.000 đồng/văn bản - Phí đăng bạ: 120.000	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15 và Luật số</i>

	Mã TTHC: 1.013970			quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	131/2025/QH15. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP</i> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.
21	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013972	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	- Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15; <i>Luật số 93/2025/QH15</i> và <i>Luật số 131/2025/QH15</i>. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 được sửa đổi bổ sung bởi <i>Nghị định số 100/2026/NĐ-CP</i> ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ. - Khoản 7 Điều 29 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy

				tỉnh, xã.		định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;- Điểm 4.1 và 4.2 Mục B Phí sở hữu công nghiệp tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính).
--	--	--	--	-----------	--	--

Phụ lục III

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ Mã TTHC: 1.013931	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
02	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ Mã TTHC: 1.013933	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
03	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ Mã TTHC: 1.013936	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành	Khoa học và công nghệ

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
	Mã TTHC: 1.013939	Luật Chuyển giao công nghệ	
05	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ Mã TTHC: 1.013940	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
06	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ Mã TTHC: 1.013943	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
07	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ Mã TTHC: 2.001137	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
08	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ. Mã TTHC: 1.002690	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
09	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
	10Mã TTHC: 2.001643		
10	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Mã TTHC: 2.001143	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
11	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực Mã TTHC: 1.011816	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
12	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến Mã TTHC: 1.011815	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
13	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu Mã TTHC: 1.011814	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ
14	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân Mã TTHC: 1.011812	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ	Khoa học và công nghệ

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
15	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp Mã TTHC: 1.013963	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ	Sở hữu trí tuệ